ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

số: AGIA_TVHN_20220526_1100
Ngày: 26/5/2022

BẢN TIN DỰ BÁO THUỶ VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất ngày tại các trạm tiếp tục xuống trong 2-3 ngày tới, sau đó lên chậm; mực nước thấp nhất ngày tiếp tục lên trong 1-2 ngày tới, sau đó xuống theo triều.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày trên các kênh, rạch trong khu vực xuống chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 26/5 đến 30/5/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		25/5	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	26/5	27/5	28/5	29/5	30/5
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.43	0.18	0.46	1.38	1.31	1.28	1.29	1.32
						Min	-0.04	0.21	-0.04	0.06	-0.04	-0.11	-0.16	-0.19
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.36	0.09	0.44	1.31	1.24	1.21	1.22	1.25
						Min	-0.28	0.06	0.10	-0.18	-0.28	-0.35	-0.40	-0.43
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.58	0.52	0.59	1.53	1.46	1.43	1.44	1.47
						Min	0.62	0.48	0.36	0.68	0.58	0.51	0.46	0.43
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.51	0.14	0.52	1.46	1.39	1.36	1.37	1.40
						Min	-0.10	0.16	0.02	0.00	-0.10	-0.17	-0.22	-0.25
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.42	0.01	0.40	1.37	1.30	1.27	1.28	1.31
						Min	-0.31	0.09	0.19	-0.21	-0.31	-0.38	-0.43	-0.46
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.42	0.06	0.45	1.37	1.30	1.27	1.28	1.31
						Min	-0.22	0.09	0.07	-0.12	-0.22	-0.29	-0.34	-0.37
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.55	-0.21	0.24	0.50	0.50	0.47	0.45	0.48
						Min	0.29	-0.19	0.24	0.28	0.24	0.19	0.16	0.18
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.50	-0.18	0.26	0.45	0.45	0.42	0.40	0.43
						Min	0.32	-0.17	0.13	0.30	0.27	0.22	0.19	0.21
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.50	-0.18	0.19	0.45	0.45	0.42	0.40	0.43
						Min	0.24	-0.09	0.16	0.21	0.19	0.14	0.11	0.13
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.72	-0.09	0.47	0.67	0.67	0.64	0.62	0.65
						Min	0.44	-0.11	0.28	0.43	0.39	0.34	0.30	0.32
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.49	-0.12	0.31	0.44	0.44	0.41	0.39	0.42
						Min	0.30	-0.09	0.21	0.27	0.25	0.20	0.16	0.18
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.80	-0.09	0.36	0.75	0.75	0.72	0.70	0.73
						Min	0.54	-0.08	0.29	0.51	0.49	0.44	0.41	0.43
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	0.93	-0.15	0.33	0.88	0.88	0.85	0.83	0.86
						Min	0.46	-0.06	0.17	0.43	0.41	0.36	0.33	0.35
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.71	-0.16	0.20	0.66	0.66	0.63	0.61	0.64
						Min	0.45	-0.09	0.13	0.42	0.40	0.35	0.32	0.34

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van

Tin phát lúc 11h00 ngày 26/5/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan